



## Từ việc làm trong khu vực kinh tế phi chính thức đến việc làm phi chính thức ở Việt Nam

**GS.TS.HỒ ĐỨC HÙNG  
CN.NGUYỄN DUY TÂM  
CN.MAI THỊ NGHĨA**

*Bài viết tập trung nghiên cứu các đặc điểm của việc làm trong khu vực phi chính thức đến việc làm phi chính thức của người lao động tại VN. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu về điều tra mức sống dân cư năm 2008 của Tổng cục Thống kê để nêu ra các đặc điểm của người lao động tham gia việc làm phi chính thức. Xác định các nhân tố tác động đến quyết định làm việc trong khu vực phi chính thức và việc làm phi chính thức. Ngoài ra, bài viết nêu lên một số hàm ý chính sách để đảm bảo phát triển thị trường lao động theo chiến lược dài hạn và cải cách khung pháp lý để nâng cao chất lượng và việc làm của khu vực kinh tế phi chính thức.*

*Từ khoá: Việc làm, khu vực phi chính thức, việc làm phi chính thức, thị trường lao động*

### 1. Đặt vấn đề

Lao động phi chính thức chiếm 82% trong số lao động có việc làm và 2/3 lao động phi nông nghiệp<sup>1</sup>; giải quyết phần lớn công ăn việc làm, tạo thu nhập cho người dân. Kết quả cuộc điều tra lao lực lượng lao động năm 2007 cho thấy khu vực kinh tế phi chính

thức (KTPCT) có một tỷ trọng vượt trội về việc làm, đóng góp khoảng 20% vào GDP của cả nước, song khu vực KTPCT vẫn chưa được quan tâm trong việc xây dựng chính sách liên quan mặc dù ngày càng có nhiều cuộc điều tra, nghiên cứu về khu vực này.

Hiện nay ở VN, có bốn khó khăn gặp phải khi nghiên cứu

việc làm phi chính thức: (1) chúng ta không có số liệu thống kê về việc làm phi chính thức; (2) không thống nhất về khái niệm; (3) không thống nhất về nhận thức và (4) không muốn thừa nhận (thể hiện) của bản thân người lao động cũng như chủ doanh nghiệp.

Nghiên cứu về đặc điểm của các đối tượng làm việc khu vực kinh tế phi chính thức và việc làm phi chính thức sẽ giúp cho việc thiết lập chính sách ngày càng phù hợp và bao quát hơn đến các đối tượng tham gia hoạt động của nền kinh tế.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện 2 mục tiêu chính: nhận diện các đặc điểm của đối tượng làm việc phi chính thức và các yếu tố tác động đến việc làm trong khu vực phi chính thức và việc làm phi chính thức. Đối tượng nghiên cứu là khu vực kinh tế phi chính thức và việc làm phi chính thức ở VN. Bộ dữ liệu điều tra mức sống dân cư 2008 (VHLSS2008) được dùng trong nghiên cứu này. Bằng phương pháp định lượng: xử lý thống kê mô tả và mô hình logit sẽ giải quyết 2 mục tiêu của nghiên cứu. Phân định lao động làm công chính thức/phi chính thức dựa vào tiêu chí “bảo hiểm y tế” và phân định lao động tự làm chính thức/ phi chính thức dựa vào tiêu chí “đăng ký kinh doanh”.

### 3. Cơ sở lý thuyết

Theo Hart (1970)<sup>2</sup> thì khu vực kinh tế phi chính thức được hiểu theo nghĩa rộng gồm các doanh nghiệp kinh tế không theo quy định; trong khi đó Lipton (1984)<sup>3</sup>

1. (Jean-Pierre Cling, Mireille Razafindrakoto, François Roubaud, 3/2010)

2. Trích trong (Indrajit Bairagya, 2010)

3. Trích trong (Indrajit Bairagya, 2010)

**Bảng 1. Khung khái niệm việc làm phi chính thức**

Loại đơn vị sản xuất kinh doanh	Việc làm theo tình trạng công việc								
	Lao động tự làm		Chủ sử dụng lao động		Lao động gia đình	Lao động làm công		Thành viên của nhà sản xuất	
	Phi chính thức	Chính thức	Phi chính thức	Chính thức	Phi chính thức	Phi chính thức	Chính thức	Phi chính thức	Chính thức
Khu vực kinh tế chính thức					1	2			
Khu vực kinh tế phi chính thức (a)	3		4		5	6	7	8	
Hộ gia đình (b)	9					10			

Nguồn: Hướng dẫn về định nghĩa thống kê việc làm phi chính thức, được hội nghị quốc tế các nhà thống kê lao động lần thứ 17 thông qua (11-12/2003)

### Ghi chú

Theo định nghĩa của Hội nghị Thống kê lao động quốc tế 15 (trừ hộ gia đình có thuê mướn lao động làm thuê công việc gia đình tại nhà)

Hộ gia đình sản xuất hàng chỉ phục vụ tiêu dùng cuối cùng riêng và hộ gia đình có thuê mướn lao động làm thuê công việc gia đình tại nhà

Các ô tô đậm chỉ việc làm theo định nghĩa không tồn tại tại loại đơn vị sản xuất kinh doanh đang nói đến. Các ô nhạt chỉ việc làm chính thức. Các ô không tô màu chỉ các dạng việc làm phi chính thức

**Bảng 2. Khái niệm về việc làm phi chính thức của lao động làm thuê của một số quốc gia trên thế giới**

Quốc gia	Nguồn	Khái niệm
Braxin	Điều tra mẫu quốc gia về hộ gia đình	Lao động làm thuê không có trong sổ lương
Mê hi cô	Điều tra quốc gia về nghề nghiệp và việc làm	Lao động làm thuê không tiếp cận được các dịch vụ chăm sóc sức khỏe của nhà nước và tư nhân qua công việc của họ
Panama	Điều tra hộ gia đình	Lao động làm thuê không có hợp đồng lao động, cộng với lao động làm thuê có hợp đồng lao động nhưng không được trả bảo hiểm xã hội trực tiếp (không bao gồm lao động làm thuê đã nghỉ hưu hoặc được hưởng trợ cấp không được tiếp tục thanh toán bảo hiểm xã hội)
Mali	Điều tra lực lượng lao động 2004	Lao động làm thuê không được người chủ đóng bảo hiểm xã hội, và không có trong danh sách được thưởng năm và trả chi phí ốm đau
Cộng hoà Moldova	Điều tra lực lượng lao động	Lao động làm thuê mà người chủ không phải đóng bảo hiểm xã hội, hoặc là không được thưởng năm (hoặc hoa hồng), hoặc những người không được trả chi phí khi bị ốm hoặc bị tai nạn
Liên bang Nga	Điều tra Dân số về các vấn đề việc làm	Lao động làm thuê không hợp đồng
Nhật Bản	Điều tra lực lượng lao động hộ gia đình	Lao động làm thuê không được đăng ký bất kỳ loại bảo hiểm xã hội nào
Ấn Độ	Điều tra mẫu quốc gia, vòng thứ 61 (2004-2005)	Lao động làm thuê không được hưởng bảo hiểm xã hội, thường năm hoặc trả chi phí khi bị ốm

Nguồn: Cơ quan Thống kê của ILO trích trong (Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Hữu Chí (lược dịch), 2008)

thì cho rằng phương thức sản xuất gia đình là đặc điểm chính của khu vực kinh tế phi chính thức. Khu vực kinh tế phi chính thức gồm các đơn vị sản xuất kinh doanh không có tư cách pháp nhân, sản xuất ra các sản phẩm vật chất và dịch vụ

nhằm để bán hoặc trao đổi trên thị trường, các đơn vị sản xuất này chưa đăng ký (không có giấy phép kinh doanh) và hoạt động trong lĩnh vực phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (Cling và công sự, 2010).

Tác giả Jean-Charles Wiard

trong tạp chí *Kinh tế và thống kê*, số 226, tháng 11/1989 (trang 35-51)<sup>4</sup> đã đưa ra khái niệm kinh tế chìm của EU là “khu vực kinh tế trốn thoát khỏi mạng lưới thống kê và không định lượng được”.

4. Trích trong Lê Đăng Doanh, Nguyễn Minh Tú (1997), trang 17

Trong đo lường các hoạt động kinh tế chìm người ta nhấn mạnh vào hai tiêu chí của hoạt động chìm là: (1) trốn và tránh thuế, (2) lao động ngầm. Phương pháp xác định khu vực chìm dựa trên sự phân biệt giữa các hoạt động sản xuất và hoạt động chỉ mang tính chuyển giao thu nhập hoặc vốn, do vậy khu vực chìm bao gồm: Các hoạt động sản xuất hợp pháp nhưng không khai báo; các hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ bất hợp pháp.

Việc làm phi chính thức là việc làm không được bảo hiểm xã hội. Do đó, tất cả những việc làm trong khu vực kinh tế phi chính thức cũng như một phần việc làm trong khu vực kinh tế chính thức được coi là việc làm phi chính thức (Cling và công sự, 2010).

ICLS lần thứ 15 định nghĩa việc làm trong khu vực phi chính thức bao gồm tất cả các việc làm trong các doanh nghiệp phi chính thức hay tất cả những người được tuyển dụng làm việc trong một thời kỳ nhất định ở ít nhất một doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế phi chính thức, bất kể tình trạng việc làm thế nào và công việc đó là việc làm chính hay việc làm thứ hai<sup>5</sup>. Đến ICLS 17 định nghĩa về việc làm phi chính thức: là tổng số việc làm phi chính thức, dù thực hiện trong doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế chính thức, doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế phi chính thức hay hộ gia đình trong một thời kỳ nhất định<sup>6</sup>.

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Đặc điểm của các đối tượng tham gia việc làm phi chính thức

Phần lớn lao động (69,09%)

tự làm cho gia đình không phải là doanh nghiệp. Trong số những người đang làm việc trong nền kinh tế vẫn còn nhiều đối tượng làm việc phi chính thức trong khu vực chính thức và cả phi chính thức mà số liệu VHLSS 2008 chưa tách bạch ra được. Tuy nhiên, kết quả điều tra lao động và việc làm 2007 những người từ 15 tuổi trở lên, cho thấy khoảng 39,6 triệu<sup>7</sup> lao động làm việc phi chính thức. Như vậy, đặc điểm của lao động VN là những đối tượng nằm ngoài độ tuổi lao động tham gia rất nhiều vào các hoạt động kinh tế nhưng không được tính.

Ngoài việc làm chính, người lao động còn tham gia vào những công việc khác, với 46,3% người đang có việc làm nhận làm thêm công việc thứ 2 và 11,37% người đang làm việc có từ 2 việc làm phụ trở lên. Kết quả này khẳng định việc làm phi chính thức rất đa dạng, thu hút mọi đối tượng tham gia và làm phong phú thêm các đặc điểm của người lao động

làm cho hộ khác và kinh tế nhà nước, các loại hình kinh tế khác như tư nhân hay khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cũng là sự lựa chọn để làm thêm cho người lao động. Những người làm thêm 1 việc phụ phần lớn có trình độ là từ tiểu học đến phổ thông trung học, tỷ lệ này chiếm trên 95% những người làm việc thứ 2; số người có bằng cấp từ cao đẳng trở lên chiếm gần 3% trong tổng số những người tham gia công việc thứ 2. Đối với những người có việc làm thứ 3 trở lên, nhóm người không có bằng cấp chủ yếu tự làm cho gia đình không phải là doanh nghiệp và làm cho hộ khác; nhóm người có trình độ từ cấp 1 đến cấp 3 phần lớn cũng tự làm cho gia đình không phải là doanh nghiệp và làm cho hộ khác, bên cạnh đó họ cũng làm trong khu vực kinh tế nhà nước, tư nhân, tập thể và nước ngoài; đối với những người có trình độ thạc sĩ trở lên họ tự làm cho gia đình không phải là doanh nghiệp

**Bảng 3. Việc làm theo tính chất công việc**

Công việc	Số người	Tỷ lệ so với tổng dân số (%)	Tỷ lệ trong những người có việc làm (%)
Việc chính (chiếm nhiều thời gian nhất)	73.730.924	85,42	100,00
Việc phụ (chiếm nhiều thời gian thứ hai)	34.146.054	39,56	46,31
Việc khác	8.385.107	9,71	11,37

*Nguồn: VHLSS2008*

phi chính thức.

Việc làm thêm thu hút người lao động trong tất cả các loại hình kinh tế, được lựa chọn nhiều nhất là tự làm cho gia đình không phải là doanh nghiệp, kể đến là

(chiếm đến 97,3%), và làm cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (2,7%); những người có trình độ đại học lại không làm việc trong khu vực kinh tế tập thể và có vốn đầu tư nước ngoài, chủ yếu tự làm cho gia đình không phải là doanh nghiệp; những

5. Hội thảo quốc tế trang 116

6. Hội thảo quốc tế trang 120

7. Báo cáo về Điều tra lực lượng lao động và việc làm ở VN năm 2007 của tổng cục thống kê

người có bằng thạc sĩ chỉ làm việc thứ 3 trong khu vực kinh tế nhà nước và những người có bằng tiến sĩ chỉ tự làm cho gia đình không phải là doanh nghiệp.

Giới tính cũng ảnh hưởng đến việc tham gia làm thêm công việc thứ 2, nam có tỷ lệ tham gia việc làm thêm cao hơn nữ (49,36% so với 32,22%). Tuy nhiên, do nguồn số liệu không thể thực hiện

kinh doanh cá thể. Như vậy, trong hoạt động kinh tế những người làm việc trong khu vực phi chính thức là rất cao.

#### 4.2. Mô hình định lượng

4.2.1. *Kết quả ước lượng các yếu tố tác động đến việc làm khu vực KTPCT trong lĩnh vực phi nông nghiệp tại VN*

Đăng ký kinh doanh = -3.36281 + 0.815 làm thêm + 0.417 thành

Kết quả mô hình (1) cho thấy: Những người tham gia làm thêm có xác suất đăng ký kinh doanh cao hơn những người không tham gia làm thêm; Người dân ở khu vực thành thị có xác suất đăng ký kinh doanh cao hơn những người ở nông thôn; Những người có vay mượn có xác suất đăng ký kinh doanh cao hơn những người không có vay mượn; Khi hộ tăng lên 1 người thì xác suất ĐKKD sẽ tăng lên; Nam giới có xác suất đăng ký kinh doanh cao hơn nữ giới; Tuổi càng tăng thì xác suất ĐKKD càng cao; Một người có trình độ cao đẳng nghề sẽ có xác suất ĐKKD thấp hơn người không có nghề và ngược lại những người được đào tạo sơ cấp nghề, trung cấp nghề hay trung học chuyên nghiệp có xác suất đăng ký kinh doanh cao hơn những người không được đào tạo nghề; những người hoạt động kinh doanh ở vị trí không có định có xác suất đăng ký kinh doanh thấp hơn những người hoạt động ở những nơi cố định hoặc vị trí khác; những người ở khu vực Đồng bằng sông Cửu long có xác suất đăng ký kinh doanh cao hơn những người ở khu vực Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ nhưng có xác suất đăng ký kinh doanh thấp hơn những người sống ở Đông Bắc, Tây Bắc và Tây Nguyên; những người chưa có vợ chồng hay đang có vợ chồng có xác suất đăng ký kinh doanh cao hơn những người góa, ly thân hoặc ly hôn.

4.2.2. *Kết quả ước lượng các yếu tố tác động đến việc làm công phi chính thức tại VN*

Tham gia = 0,701 + 0,087 quy

**Bảng 4. Các biến dùng ước lượng mô hình logit**

Biến số	Mô tả
Làm thêm	Có 2 giá trị: có làm thêm =1, không làm thêm =0
Khu vực	Thành thị=1, nông thôn =0
Tín dụng	Có vay hay nợ tiền
Quy mô hộ	
Giới tính	Nữ =0, nam=1
Công chức	Là công chức nhà nước =1, không phải công chức =0
Tuổi	
Giáo dục nghề	Nhận 5 giá trị: không có đào tạo nghề, sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp
Địa điểm kinh doanh	Tại nhà, khu/trung tâm thương mại, chợ, Cửa hàng độc lập, Nơi cố định khác, không cố định
Vùng	Biến giả mang 8 thuộc tính là 8 vùng của VN
Tình trạng hôn nhân	3 thuộc tính: chưa có vợ/chồng; có vợ/chồng; góa, ly hôn, ly thân

phân tích đặc điểm việc làm trong khu vực làm thêm nên ta không thể có kết luận về việc tại sao ở nhóm nữ tỷ lệ người chọn làm 3 công việc trở lên lại cao hơn nam (26,64% so với 24,25%).

Tính chính thức hoạt động kinh doanh được xét trên khía cạnh đăng ký hay không đăng ký kinh doanh. Theo kết quả nghiên cứu cho thấy, những người tham gia lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ của hộ có 71,81% người hoạt động không có đăng ký kinh doanh, 2,62% làm việc trong doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh theo loại hình doanh nghiệp và 25,57% lao động làm việc đăng ký theo loại hình hộ

thị +0.004 tín dụng +0.031 quy mô hộ +0.2438 nam +0.0006 tuổi +0.315 sơ cấp nghề +0.849 trung cấp nghề +0.681 trung học chuyên nghiệp - 0.075 cao đẳng nghề +0.598 tại nhà +1.237 khu/trung tâm thương mại +1.048 chợ +1.759 cửa hàng độc lập +0.401 nơi cố định khác -0.604 ĐBSH+ 0.228 Đông Bắc +0.418 Tây Bắc -0.325 Bắc Trung Bộ -0.27 duyên hải Nam Trung bộ +0.191 tây nguyên -0.031 Đông Nam Bộ +0.371839 chưa có vợ chồng + 0.33 đang có vợ chồng (1)

Đăng ký kinh doanh được xem là tiêu chí xác định hoạt động đó thuộc khu vực kinh tế phi chính thức hay chính thức.

mô hộ + 0,4 Nam – 0,83 công chức – 0,24 làm thêm – 0,36 thành thị - 0,009 tuổi – 0,27 không nghề - 0,158 sơ cấp nghề - 0,52 trung cấp nghề - 0,318 Trung học chuyên nghiệp – 0,419 ĐBSH – 0,927 Đông Bắc – 2,58 Tây Bắc – 0,528 Bắc Trung Bộ -1,08 Nam Trung Bộ - 0,38 Đông Nam Bộ -1,017 Tây Nguyên -0,071 chưa có vợ chồng -0,447 đang có vợ chồng (2)

Kết quả ước lượng mô hình (2) cho thấy: khi hộ tăng thêm 1 người, xác suất làm việc trong khu vực phi chính thức cao hơn; Nam có xác suất làm việc phi chính thức nhiều hơn nữ; những người là công chức nhà nước có xác suất tham gia việc làm phi chính thức thấp hơn những người không phải là công chức; những người tham gia làm thêm công việc 2 là người có làm trong khu vực chính thức. Người ở thành thị có xác suất làm trong khu vực chính thức cao hơn khu vực nông thôn; Tuổi càng tăng, xác suất làm việc chính thức càng cao. Những người có không có giáo dục nghề, hoặc có bằng sơ cấp, trung cấp nghề hay trung cấp chuyên nghiệp có xác suất làm việc chính thức cao hơn người có bằng cao đẳng nghề; ĐBSCL có xác suất làm việc phi chính thức cao hơn những vùng khác; Những người chưa có VC hay đang có VC có xác suất làm việc chính thức cao hơn người góa, ly hôn hay ly thân

## 5. Kết luận

Lao động trong khu vực phi chính thức và việc làm phi chính thức rất phong phú và đa dạng, không loại trừ một đối tượng nào hay bất kỳ ai cũng có thể tham gia làm việc phi chính thức. Kể

cả khu vực nhà nước hay có vốn đầu tư nước ngoài, việc làm phi chính thức vẫn thu hút người lao động với nhiều trình độ khác nhau. Những người tham gia công việc làm thêm thường tập trung nhiều ở những đối tượng làm việc trong khu vực chính thức hơn những người làm trong lĩnh vực phi chính thức. Điều đó làm cho lực lượng lao động phi chính thức ngày càng tăng. Đặc điểm cá nhân cũng ảnh hưởng đến quyết định đăng ký hay không đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực phi nông nghiệp và ảnh hưởng đến quyết định làm công trong lĩnh vực phi chính thức.

## 6. Các hàm ý chính sách

Các chính sách và quản trị thị trường lao động cần được thiết kế sao cho bảo đảm cân đối, một mặt là đảm bảo phát triển thị trường lao động theo một chiến lược dài hạn nhưng không làm khó khăn hơn cho khu vực và việc làm phi chính thức; mặt khác, cải cách và mở rộng khung pháp lý ở khu vực chính thức để nâng cao chất lượng và việc làm khu vực này, tạo điều kiện tiếp cận khu vực kinh tế phi chính thức.

Khung chiến lược cải thiện năng lực quản trị thị trường lao động và hỗ trợ khu vực việc làm phi chính thức được ILO khuyến khích bao gồm:

(1) Chính sách và luật pháp của Chính phủ cần xem xét bãi bỏ những rào cản khuyến khích doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ. Việc tạo điều kiện và cải thiện môi trường cho phát triển kinh doanh nhỏ là vấn đề sống còn để giảm nghèo.

(2) Những đối tác trên thị trường lao động như đại diện của người lao động và của giới chủ cần được khuyến khích để nâng

cao tính đại diện của khu vực và việc làm phi chính thức.

(3) Doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ cần được tư vấn và hỗ trợ tiếp cận tín dụng để nâng cao năng suất lao động và cải thiện điều kiện làm việc. Hệ thống an sinh xã hội nhằm hỗ trợ và ngăn cản hộ gia đình rơi vào nghèo đói do những rủi ro gây ra có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

(4) Thanh tra lao động cần nhấn mạnh vào việc trợ giúp kỹ thuật để cải thiện điều kiện làm việc và ngăn ngừa tai nạn cũng như tình trạng lạm dụng lao động, vi phạm pháp luật lao động của chủ sử dụng lao động.

(5) Quá trình đô thị hóa cần tính đến nhu cầu của Doanh nghiệp nhỏ và của người lao động về nhà xưởng, nhà ở, vận tải công cộng, cung cấp điện nước an toàn với giá rẻ. Trong phát triển cơ sở hạ tầng, cần sử dụng những công nghệ thích hợp để mở rộng việc làm bền vững và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển ổn định.

Ở VN, các cụm chính sách sau đây cần đặc biệt quan tâm trong chiến lược việc làm chính thức cho KVKTPCT.

Thứ nhất, người lao động thuộc khu vực và việc làm phi chính thức có trình độ học vấn thấp, vì vậy cần được đào tạo và giáo dục chu đáo, nhờ đó họ có thể sản xuất sản phẩm có chất lượng tốt hơn, sử dụng ít thời gian hơn, điều đó cũng giúp giảm bớt sự chênh lệch tiền công giữa khu vực phi chính thức và khu vực chính thức. Đồng thời cũng tạo điều kiện cho người lao động thuộc khu vực phi chính thức chuyển sang khu vực chính thức. Nội dung đào tạo cần được chú trọng nâng cao tinh thần kinh doanh, kỹ năng quản lý, tài chính, tiếp cận thị

trường... Nhà nước, chính quyền địa phương có thể tổ chức một số hoạt động đào tạo chất lượng tùy theo điều kiện của địa phương và do các cơ quan thực sự có năng lực tiến hành.

Thứ hai, cần tạo điều kiện cho khu vực và việc làm phi chính thức tiếp cận nguồn tín dụng tốt hơn để khu vực này có khả năng tăng cường đầu tư khởi nghiệp, đầu tư trang thiết bị, trên cơ sở đó nâng cao năng suất lao động. Để làm được điều này, cần xây dựng một hệ thống khu vực tài chính vi mô phi chính thức phát triển. Chẳng hạn, xây dựng chiến lược nâng cấp mạng tài chính vi mô bán chính thức (M7 của Action Aid Vietnam, Quỹ CEP của Liên đoàn Lao động TP.HCM...) và phi chính thức (hiệp hội, chơi hội, quỹ dòng họ...) để hỗ trợ cho người nghèo tiếp cận thuận lợi hơn tín dụng, tiết kiệm. Hỗ trợ cho các nhóm tài chính vi mô chuyển đổi thành các nhóm có tổ chức hoạt động có tiêu chuẩn và thống nhất. Việc xây dựng khung pháp lý, hành lang pháp lý, cùng với các cơ chế, công cụ cho các tài chính vi mô cần tính đến các yếu tố tác động của WTO và do đó tận dụng được những lợi thế gia nhập WTO.

Thứ ba, cần thực hiện các bước nhằm xây dựng các cơ sở hỗ trợ về cách quản lý, hạch toán cũng như hỗ trợ thông tin cho khu vực và việc làm này. Mặt khác cũng cần khuyến khích việc thành lập hội của các hộ phi chính thức để họ chia sẻ kinh nghiệm và tạo cơ hội tiếp cận với thị trường chung.

Thứ tư, có thể thực hiện thu thuế khu vực và việc làm phi chính thức, với điều kiện phải thực hiện một cách hết sức đơn giản. Điều này sẽ tạo ra thêm nguồn tài chính

để hỗ trợ lại khu vực này đồng thời giảm thiểu tình trạng tiêu cực, những nhiễu của các cán bộ kém phẩm chất.

Thứ năm, cần hết sức quan tâm đến việc cải thiện môi trường hoạt động kinh doanh của khu vực và việc làm phi chính thức và tránh đưa ra các quyết định thiếu tính toán ảnh hưởng đến hoạt động của khu vực này.

Thứ sáu, việc đăng ký kinh doanh của các hộ sản xuất kinh doanh phi chính thức sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ này tiếp cận với các thị trường lớn hơn và giúp hoạt động kinh doanh ổn định hơn, nhưng cần phải nghiên cứu một chính sách khuyến khích riêng cho khu vực này. Nâng cao lợi ích khi đăng ký kinh doanh: tín dụng ưu đãi, thuận tiện; tạo điều kiện tiếp cận với khách hàng; tiếp cận công nghệ; cung cấp thông tin thị trường; tính bắt buộc thực thi hợp đồng và bảo trợ nhà nước về luật pháp; hỗ trợ về nơi kinh doanh; bãi bỏ các rào cản về di chuyển lao động, đặc biệt đơn giản hóa các thủ tục đăng ký người nhập cư; cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản...

Thứ bảy, mở rộng phạm vi và đối tượng chính sách an sinh và xã hội của nhà nước – vai trò của luật lao động. Các chính sách thị trường lao động, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cần mở rộng độ bao phủ của các chương trình và bảo đảm an toàn cho các quỹ để giảm thiểu mức độ rủi ro khi đối tượng tham gia và gia đình họ bị giảm hoặc mất nguồn thu nhập. Chính sách trợ giúp xã hội cần hướng tới mở rộng phạm vi và đối tượng, nâng cao hiệu quả trợ giúp để ứng phó kịp thời với các biến cố và rủi ro, góp phần giảm nghèo bền vững và

bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương. Công nhận và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động, đặc biệt là về quyền kinh doanh, quyền thực hiện quy định về lương tối thiểu, quyền thực hiện quy định về lương tối thiểu, điều kiện làm việc an toàn, bảo đảm bình đẳng giới. Đồng thời thúc đẩy vai trò chủ động của các đối tác trên thị trường lao động, nâng cao vai trò của đối thoại, thương lượng và xúc tiến thành lập các tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi của nhóm yếu thế ●

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hội thảo quốc tế, (6-7/5/2010). Khu vực kinh tế phi chính thức và việc làm phi chính thức- Phương pháp thống kê, tác động kinh tế và chính sách công. Hà Nội.

Indrajit Bairagya (2010), "Việc làm trong khu vực kinh tế phi chính thức ở Ấn Độ: qui mô, thành phần, tăng trưởng và các nhân tố quyết định", Hội thảo quốc tế: *Khu vực kinh tế phi chính thức và việc làm phi chính thức*, 6-7/5/2010, Hà Nội.

Javier Herrera, Mireille Razafindrakoto và François Roubaud. (2008), *Nghiên cứu khu vực kinh tế phi chính thức - kinh nghiệm của châu Mỹ la tinh*.

Jean Pierre Cling, Mireille Razafindrakoto và François Roubaud. (tháng 3 năm 2010), *Kinh tế phi chính thức ở VN - Nghiên cứu theo yêu cầu của Dự án thương trường lao động EU/MOLISA/ILO*.

Lê Đăng Doanh, Nguyễn Minh Tú. (1997), *Khu vực kinh tế phi chính quy - Một số kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn VN trong quá trình chuyển đổi kinh tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Hữu Chí (lược dịch) (2008), *Giới thiệu các khái niệm chuẩn quốc tế liên quan đến việc làm phi chính thức*.

Tổng cục Thống kê (2008), *Báo cáo về điều tra lực lượng lao động và việc làm ở VN 2007*, NXB Thống kê, Hà Nội.